

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 9675/UBND-KT ngày 30/7/2026 về việc xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Để có cơ sở đề xuất tham mưu mức hỗ trợ cho giai đoạn 2026-2030, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tổng kết việc thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 263/QĐ-

TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

UBND hai tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận trước sáp nhập đã tham mưu, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 02 Nghị quyết, quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia gồm: (i) Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa Ban hành Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 26/9/2023 của HĐND tỉnh Ninh Thuận quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể:

a) Tại tỉnh Khánh Hòa cũ:

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 để triển khai thực hiện Dự án 2 đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và Tiểu dự án 1, dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; theo đó, có một số mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị, tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng.

- Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi nhưng tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng.

- Hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi tối đa không quá 40 triệu đồng/hộ thuộc đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Trên cơ sở Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND, các địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (cũ) triển khai thực hiện đúng theo phạm vi, đối tượng và mức hỗ trợ theo quy định. Quy trình lập hồ sơ, thẩm định và phê duyệt dự án hỗ trợ được thực hiện đầy đủ, đúng trình tự pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, giúp người dân được tiếp cận kịp thời các nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất của Nhà nước.

b) Tại Ninh Thuận cũ:

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, UBND tỉnh Ninh Thuận trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 26/9/2023 Quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; theo đó, có một số mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

+ Hỗ trợ 80% tổng chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; 70% tổng chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; 50% tổng chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Mức hỗ trợ tối đa một dự án, kế hoạch liên kết không vượt quá 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*).

+ Mức hỗ trợ cho một hộ dân tham gia dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) và tổng kinh phí hỗ trợ cho các hộ tham gia không vượt quá mức hỗ trợ cho một dự án, kế hoạch liên kết.

- Hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất cộng đồng:

+ Hỗ trợ 95% tổng kinh phí thực hiện một dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; 80% tổng kinh phí thực hiện một dự án trên địa bàn khó khăn; 60% tổng chi phí thực hiện một dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Mức hỗ trợ tối đa một dự án phát triển sản xuất cộng đồng không vượt quá 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

+ Mức hỗ trợ cho một hộ dân tham gia dự án phát triển sản xuất cộng đồng không vượt quá 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*) và tổng kinh phí hỗ trợ cho các hộ tham gia không vượt quá mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất cộng đồng.

Trên cơ sở Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND, các địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (cũ) triển khai thực hiện đúng theo phạm vi, đối tượng và mức hỗ trợ theo quy định. Quy trình lập hồ sơ, thẩm định và phê duyệt dự án hỗ trợ được thực hiện đầy đủ, đúng trình tự pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, giúp người dân được tiếp cận kịp thời các nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất của Nhà nước.

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Khánh Hòa (*trước sáp nhập là tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận*) đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Qua triển khai thực hiện, đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn, vùng khó khăn, vùng biên giới tiếp tục được quan tâm đầu tư; cảnh quan môi trường nông thôn tiếp tục được cải thiện; an ninh, trật tự được giữ vững; diện mạo nông thôn từng bước đổi mới; sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa; công tác giảm nghèo có chuyển biến tích cực. Nhiều dự án/kế hoạch liên kết và mô hình hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất cộng đồng được triển khai hiệu quả, tập trung vào các ngành hàng chủ lực, phù hợp điều kiện sinh thái và tập quán sản xuất của người dân như: phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm bản địa; trồng cây dược liệu, cây ăn quả sần riêng, bưởi, nho, táo...; phát triển nghề truyền thống gắn với tiêu thụ sản phẩm. Một số dự án đã hình thành các tổ nhóm liên kết, hợp tác xã hoặc tham gia liên kết với doanh nghiệp trong cung ứng vật tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, giảm rủi ro thị trường. Các mô hình phát triển sản xuất từng bước chuyển từ quy mô nhỏ lẻ sang liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ, tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo. Thông qua các dự án, người dân được hỗ trợ giống, vật tư, kỹ thuật; được tập huấn nâng cao năng lực sản xuất và từng bước tiếp cận phương thức sản xuất hàng hóa, góp phần nâng cao thu nhập và năng lực tự vươn lên, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 257/2025/QH15 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035. Ngày 31/12/2025 Chính phủ đã ban hành Nghị định số

358/2025/NĐ-CP Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho UBND cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại địa phương theo quy định tại Điều 26, Điều 30, Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

Để kịp thời tổ chức triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tập trung nghiên cứu tham mưu xây dựng quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại địa phương theo quy định tại Điều 26, Điều 30, Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ quy định, hướng dẫn của trung ương, tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận (trước khi sắp xếp) đã ban hành các văn bản để chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể: Thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; đồng thời phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo; chỉ đạo cấp huyện và cấp xã thành lập ban chỉ đạo, quy chế hoạt động theo quy định và phù hợp với thực tiễn của các địa phương. Đồng thời UBND hai tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính (nay là Sở Tài chính), Ban Dân tộc (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo) phối hợp với các sở, ngành, địa phương tích cực tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận, tham gia thực hiện chính sách của tỉnh, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

2.1 Khái quát chung

Tỉnh Khánh Hòa (trước hợp nhất và sau hợp nhất) đã kịp thời ban hành các chính sách nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, quy định của cơ quan cấp trên về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đã tạo cơ sở pháp lý với định hướng và mục tiêu của các Chương trình mục

tiêu quốc gia, đặc biệt là trong việc hỗ trợ cho các hộ gia đình, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp khi tham gia thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

2.2. Một số ưu điểm nổi bật

- Các Nghị quyết đã bám sát chủ trương, định hướng của Trung ương, cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các dự án phát triển sản xuất được quy định rõ ràng thông qua hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cụ thể; tạo nền tảng pháp lý quan trọng, góp phần định hướng rõ trách nhiệm, quyền lợi của các bên tham gia và thuận lợi cho công tác triển khai, thẩm định, phê duyệt và giám sát thực hiện tại cơ sở.

- Hình thức hỗ trợ đa dạng, đối tượng thụ hưởng được mở rộng, tạo điều kiện thúc đẩy các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và hộ sản xuất phát triển.

- Quá trình tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách được triển khai bài bản, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể tham gia.

2.3. Kết quả thực hiện

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi – Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã triển khai tổng cộng 204 mô hình/dự án phát triển sản xuất, thu hút 2.632 hộ dân tham gia, gồm có:

- *Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị*: Thực hiện 14 dự án (khu vực Bắc Khánh Hòa: 01 dự án; khu vực Nam Khánh Hòa: 13 dự án).

- *Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (sinh kế cộng đồng)*: Thực hiện 190 dự án (khu vực Bắc Khánh Hòa: 48 dự án; khu vực Nam Khánh Hòa: 142 dự án).

Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất và cộng đồng thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 là 173.258 triệu đồng (NSTW: 163.447 triệu đồng, NSDP: 9.811 triệu đồng).

b) Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp - Chương trình giảm nghèo bền vững

Dự án đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất, tăng thu nhập và cải thiện sức khỏe người dân, cụ thể:

- Trong lĩnh vực đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo đã triển khai 558 dự án cho khoảng 3.900 hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia, tập trung chủ yếu vào các mô hình trong cây ăn quả: cây sầu riêng, táo, nho..., mô hình chăn nuôi: heo rừng lai, bò sinh sản, gà ... và một số khu vực phát triển trồng cây dược liệu, nấm bào ngư...góp phần tạo điều kiện cho hơn 2.400 hộ thoát nghèo từ việc triển khai các mô hình thông qua các chính sách hỗ trợ từ chương trình.

Tổng kinh phí thực hiện: 74.964 triệu đồng (trong đó: NSTW 67.494 triệu đồng, NSDP: 7.470 triệu đồng)

- Trong lĩnh vực phát triển sản xuất, đã triển khai trên 282 dự án cho khoảng 4.800 hộ tham gia vào các mô hình sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, phi nông nghiệp, được hỗ trợ gắn với thích ứng biến đổi khí hậu.

Tổng kinh phí thực hiện: 46.531 triệu đồng (trong đó: NSTW 40.901 triệu đồng, NSDP: 5.630 triệu đồng)

Các mô hình sinh kế đã tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập cho người nghèo, góp phần tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo bền vững. Tại nhiều địa phương, việc chăn nuôi trâu bò, gà, vịt hay trồng trọt mang lại thu nhập ổn định, giúp nhiều hộ nghèo từng bước cải thiện đời sống. Các mô hình trồng cây dược liệu, cây ăn quả không chỉ tăng thu nhập, mà còn mở ra hướng đi mới cho sản xuất nông nghiệp bền vững. Đặc biệt, các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, nhóm thường gặp khó khăn trong tiếp cận chính sách cũng đã có nhiều cơ hội để cải thiện sinh kế. Các dự án được triển khai đã tạo hiệu ứng lan tỏa, khi một hộ áp dụng thành công mô hình chăn nuôi hay trồng trọt, các hộ khác cũng học hỏi và làm theo. Nhờ đó, nhiều vùng quê đã hình thành được các cụm sản xuất nhỏ, từng bước liên kết, hỗ trợ nhau phát triển.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn

- Các nội dung hỗ trợ của Nghị quyết vẫn chia theo nguồn vốn (dẫn đến mỗi nguồn vốn có nhiều văn bản chuyên ngành hướng dẫn áp dụng và thủ tục hành chính riêng) và không thực hiện được việc lồng ghép vốn để hỗ trợ cho 01 dự án phát triển sản xuất.

- Các chương trình mục tiêu quốc gia: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo cơ chế riêng (từ văn bản triển khai hướng dẫn, định mức hỗ trợ, tiêu chí, cơ chế áp dụng quản lý,...). Điều này dẫn đến việc khó khăn trong quá trình triển khai áp dụng lồng ghép vốn tại địa phương, cùng một nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nhưng chịu sự điều chỉnh của định mức, cơ

chế khác nhau, làm tăng thủ tục hành chính, kéo dài thời gian phê duyệt và giải ngân, đồng thời làm giảm tính linh hoạt trong điều hành.

3.2. Nguyên nhân

- Việc thực hiện chính sách theo 03 chương trình mục tiêu khác nhau và được điều chỉnh bởi nhiều văn bản hướng dẫn khác nhau, trong khi các văn bản có một số nội dung không đồng nhất còn phải điều chỉnh nhiều lần dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Việc điều chỉnh địa giới hành chính và thay đổi mô hình tổ chức bộ máy chính quyền, địa vị pháp lý các cấp chính quyền có thay đổi, gây khó khăn trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất tại cơ sở.

- Nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ – là đối tượng thụ hưởng chính còn thiếu kinh nghiệm và kỹ năng lập hồ sơ, xây dựng phương án sản xuất, liên kết và quản lý vốn dẫn đến việc thực hiện chậm tiến độ, không đáp ứng yêu cầu thủ tục và một số trường hợp không đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

- Chính phủ chỉ đạo việc tích hợp 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thành một Chương trình MTQG chung mang tính khung, thống nhất cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện (*vì địa giới hành chính, địa vị pháp lý các cấp chính quyền có thay đổi so với giai đoạn trước, cần rà soát đảm bảo phù hợp với sự phân cấp, phân quyền theo mô hình chính quyền địa phương mới*), nhằm **bảo đảm đồng bộ, minh bạch và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước**.

- Nhằm cụ thể hóa nội dung quy định tại Điều 26, Điều 30, Điều 35 của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tạo cơ sở pháp lý thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cụ thể hóa các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng linh hoạt, thiết thực và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Các nội dung hỗ trợ bao gồm: Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng; dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất (*đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có*

thẩm quyền công nhận thoát nghèo); hộ dân tộc thiểu số; hộ người có công với cách mạng và đối tượng hộ khác).

- Chương trình thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, các xã, thôn, người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); xã khu vực III, xã biên giới, xã thuộc đơn vị hành chính cấp xã là an toàn khu, thôn đặc biệt khó khăn (*đối với dự án thực hiện trên địa bàn 100% thôn đặc biệt khó khăn của các xã khu vực I, II*).

Do vậy, việc xây dựng nghị quyết mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và cấp thiết nhằm cụ thể hóa Nghị định 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Nghị quyết mới quy định rõ mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Thực hiện chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025. Nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển chuỗi giá trị bền vững, gắn sản xuất với chế biến sâu, thị trường tiêu thụ, đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo tồn đa dạng sinh học, tài nguyên rừng và phát huy giá trị tri thức, văn hóa bản địa, qua đó tạo sinh kế ổn định, nâng cao thu nhập cho Nhân dân, nhất là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tương xứng với tiềm năng và lợi thế sẵn có. ***Do đó cần thiết phải đánh giá, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu tham mưu ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030, trong đó cần tập chung nghiên cứu, ban hành quy định Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện 01 dự án/kế hoạch phát triển sản xuất, định mức hỗ trợ cho đối tượng tham gia các dự án theo hướng mức hỗ trợ đủ lớn, phù hợp tạo động lực thúc đẩy sản xuất, đồng thời thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.*** Các nội dung chính sách về mức hỗ trợ, định mức hỗ trợ cần bám sát quy định của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương trong đó cần tập trung vào các khâu trọng yếu như: chi phí cây, con giống, vật tư thiết yếu phục vụ phát triển sản xuất.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ gia đình dễ dàng tiếp cận và tham gia vào các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu các thủ tục hành chính không cần thiết và góp phần cải thiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể:

1. Tên nghị quyết

Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng; dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

3. Về nội dung hỗ trợ:

3.1. Nội dung 1: Mức hỗ trợ cho 01 dự án phát triển sản xuất

- Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực II; không quá 50% tổng chi phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa 5 tỷ đồng/dự án.

- Dự án phát triển sản xuất cộng đồng: Hỗ trợ tối đa không quá 90% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên địa bàn xã khu vực II; không quá 60% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi

đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa 01 tỷ đồng/dự án.

- Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa 03 tỷ đồng/dự án.

3.2. Nội dung 2: Định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); hộ dân tộc thiểu số; hộ người có công với cách mạng: Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 60 triệu đồng/hộ gia đình.

- Đối với các hộ gia đình không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 70% so với mức hỗ trợ đối với các hộ tại điểm a khoản 1 Điều này khi tham gia cùng 01 dự án.

4. Đề xuất nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí phân bổ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên cơ sở nguồn kinh phí chi thường xuyên phân bổ từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

Trên đây báo cáo tổng kết việc thi hành chính sách quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: Dân tộc và Tôn giáo, Tài chính;
- PGD Sở Nguyễn Thị Lan;
- Lưu: VT, KH&PTNT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Quang